

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHƯƠNG ANH



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của CỬA HÀNG XĂNG DẦU PHƯƠNG ANH**

An Giang, tháng 10 năm 2023

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHƯƠNG ANH

*****000*****

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỬA HÀNG XĂNG DẦU PHƯƠNG ANH**

(Địa chỉ: Ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang)

CHỦ CƠ SỞ
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
PHƯƠNG ANH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
THIÊN PHÁT

GIÁM ĐỐC

An Giang, tháng năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	4
3.1. Công suất của cơ sở.....	4
3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	5
4.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng trong hoạt động chuyên môn	5
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu.....	5
4.3. Nhu cầu về điện, nước.....	5
4.4. Danh mục sử dụng hóa chất, chất xúc tác cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở	6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	6
5.1. Tổng vốn đầu tư	6
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở	6
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị	7
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	8
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	8
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	8
2.1. Đối với môi trường nước.....	9
2.2. Đối với môi trường không khí	9
2.3. Chất thải rắn	13
2.4. Tiếng ồn.....	14

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	16
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	16
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	16
1.2. Thu gom, thoát nước thải	16
1.3. Xử lý nước thải.....	17
2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.....	18
2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải	18
2.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục	19
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	19
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	20
5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn của cơ sở	20
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố.....	21
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG....	22
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	22
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	23
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	23
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	26
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	26
2. Chương trình quan trắc chất thải (liên tục, tự động và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	26
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	26
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	26
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	26
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	27
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	28
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	29
PHỤ LỤC BÁO CÁO	30

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

<i>Từ viết tắt</i>	<i>Giải nghĩa từ</i>
<i>BTCT</i>	<i>Bê tông cốt thép</i>
<i>BTNMT</i>	<i>Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>
<i>BXD</i>	<i>Bộ Xây dựng</i>
<i>CTNH</i>	<i>Chất thải nguy hại</i>
<i>CTR</i>	<i>Chất thải rắn</i>
<i>DNTN</i>	<i>Doanh nghiệp tư nhân</i>
<i>GP</i>	<i>Giấy phép</i>
<i>NTSH</i>	<i>Nước thải sinh hoạt</i>
<i>QCVN</i>	<i>Quy chuẩn Việt Nam</i>
<i>QĐ</i>	<i>Quyết định</i>
<i>QH</i>	<i>Quốc hội</i>
<i>STNMT</i>	<i>Sở Tài nguyên và Môi trường</i>
<i>TNHH</i>	<i>Trách nhiệm hữu hạn</i>
<i>UBND</i>	<i>Ủy ban nhân dân</i>
<i>XN</i>	<i>Xác nhận</i>

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Bảng 1 - Tọa độ các các điểm giới hạn vị trí của cơ sở</i>	<i>2</i>
<i>Bảng 2 - Khối lượng nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng tại cơ sở.....</i>	<i>5</i>
<i>Bảng 3 - Các hạng mục công trình của cơ sở.....</i>	<i>6</i>
<i>Bảng 4 - Danh sách máy móc, thiết bị của cơ sở.....</i>	<i>7</i>
<i>Bảng 5 - Hệ số phát thải chất gây ô nhiễm của phương tiện giao thông</i>	<i>9</i>
<i>Bảng 6 - Lượng VOC phát sinh từ quá trình tồn chứa và xuất xăng dầu.....</i>	<i>11</i>
<i>Bảng 7 - Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm khi chạy máy phát điện</i>	<i>12</i>
<i>Bảng 8 - Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....</i>	<i>16</i>
<i>Bảng 9 - Vị trí xả thải nước thải của cơ sở.....</i>	<i>17</i>
<i>Bảng 10 - Giá trị tối đa cho phép của các thông số</i>	<i>22</i>
<i>Bảng 11 - Vị trí xả thải nước thải của cơ sở.....</i>	<i>23</i>
<i>Bảng 12 - Kết quả quan trắc không khí</i>	<i>24</i>

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

<i>Hình 1 - Ảnh vệ tinh vị trí cơ sở.....</i>	<i>2</i>
<i>Hình 2 - Các đối tượng xung quanh cơ sở.....</i>	<i>3</i>
<i>Hình 3 - Quy trình hoạt động của cơ sở</i>	<i>4</i>
<i>Hình 4 - Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa</i>	<i>16</i>
<i>Hình 5 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải.....</i>	<i>17</i>
<i>Hình 6 - Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn</i>	<i>17</i>
<i>Hình 7 – Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt</i>	<i>17</i>

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh.
- Địa chỉ liên hệ: Xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Người đại diện theo pháp luật: (Ông) Nguyễn Ngọc Huân.
- Chức danh: Chủ doanh nghiệp.
- Điện thoại: 02963 622 360.
- Điện thoại liên hệ trong quá trình làm thủ tục: 0888 163030 – (Ông) Nguyễn Ngọc Huy.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp tư nhân với mã số doanh nghiệp 1600823494 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 09 năm 2010 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh. Mã số thuế: 1600823494.

2. Tên cơ sở

Cửa hàng xăng dầu Phương Anh nằm trên thửa đất số 157 và 167, tờ bản đồ số 45 thuộc quyền sở hữu của DNTN Phương Anh với địa chỉ thuộc ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và hiện nay đang được Chi nhánh Công ty TNHH Xăng dầu Tân Long thuê lại để kinh doanh (*Đính kèm hợp đồng phía sau phụ lục*).

Tứ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:

- Phía Đông Bắc tiếp giáp lộ liên xã.
- Phía Đông Nam tiếp giáp nhà dân.
- Phía Tây Nam tiếp giáp đất trống.
- Phía Bắc tiếp giáp nhà dân.

Tọa độ các điểm giới hạn vị trí của cơ sở được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1 - Tọa độ các các điểm giới hạn vị trí của cơ sở

Tên điểm	Hệ tọa độ (Hệ tọa VN 2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
A	0566562	1159444
B	0566575	1159429
C	0566559	1159416
D	0566543	1159432



Hình 1 - Ảnh vệ tinh vị trí cơ sở

Vị trí cơ sở có các mối tương quan với các đối tượng xung quanh như sau:

- Hiện trạng giao thông: Phía trước cơ sở theo hướng Tây Nam là lộ liên xã được rộng khoảng 5 – 6m, được tráng nhựa hoàn chỉnh. Đây là tuyến đường chính phục vụ cho quá trình kinh doanh của cơ sở (nhập xăng dầu và bán cho khách hàng).

- Hiện trạng kênh, rạch: Phía sau cơ sở là sông Hậu cách cơ sở khoảng 3m theo hướng Tây Nam, cách rạch Cột Rừng khoảng 79m theo hướng Đông Nam và cách kênh Chà Và khoảng 580m theo hướng Đông Bắc.

Chủ cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Khu dân cư: Xung quanh cơ sở có nhiều dân cư sinh sống và kinh doanh nhỏ lẻ chủ yếu tập trung dọc theo lộ liên xã đi ngang qua khu vực cơ sở.

- Các đối tượng xung quanh khác: Vị trí cơ sở cách nhà thuốc tây Thúy An khoảng 80m, cửa hàng vật liệu xây dựng Hai Mực 200m theo hướng Đông Nam; Cách sân vận động Mỹ Hội Đông khoảng 340m theo hướng Tây Bắc.

Trong phạm vi 1 km xung quanh cơ sở không có khu vực ưu tiên bảo vệ như rừng ngập mặn, dải san hô, khu bảo tồn sinh thái, khu dự trữ sinh quyển, nhà máy nước phục vụ cấp nước sinh hoạt, khu di tích lịch sử đã được xếp hạng, khu du lịch, khu nuôi trồng thủy sản tập trung.



Hình 2 - Các đối tượng xung quanh cơ sở

Giấy xác nhận hồ sơ môi trường và giấy phép môi trường thành phần đã được cấp cho cơ sở bao gồm: Giấy xác nhận số 2274/XN-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Phương Anh.

Quy mô của cơ sở: Cơ sở có tổng mức đầu tư là 700.000.000 đồng với loại hình hoạt động của cơ sở là kinh doanh, buôn bán xăng dầu nên cơ sở thuộc nhóm C theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 6 năm 2019. Loại hình hoạt động của cơ sở không thuộc phụ lục II – Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ và không thuộc khoản 4 điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ (quy định dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định

Chủ cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường). Vì vậy, cơ sở thuộc nhóm III (thuộc số thứ tự số 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022). Đồng thời, cơ sở thuộc khoản 4 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do đó, Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Cửa hàng xăng dầu Phương Anh được thực hiện theo mẫu phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ trình Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới thẩm định, phê duyệt.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Cửa hàng xăng dầu Phương Anh chủ yếu kinh doanh bán lẻ dầu DO 0,05S-II, xăng Ron 95-III nhằm đáp ứng nguồn nhiên liệu của người tiêu dùng cho nhu cầu đi lại, hoạt động kinh doanh trong khu vực với 4 bồn chứa xăng, dầu gồm:

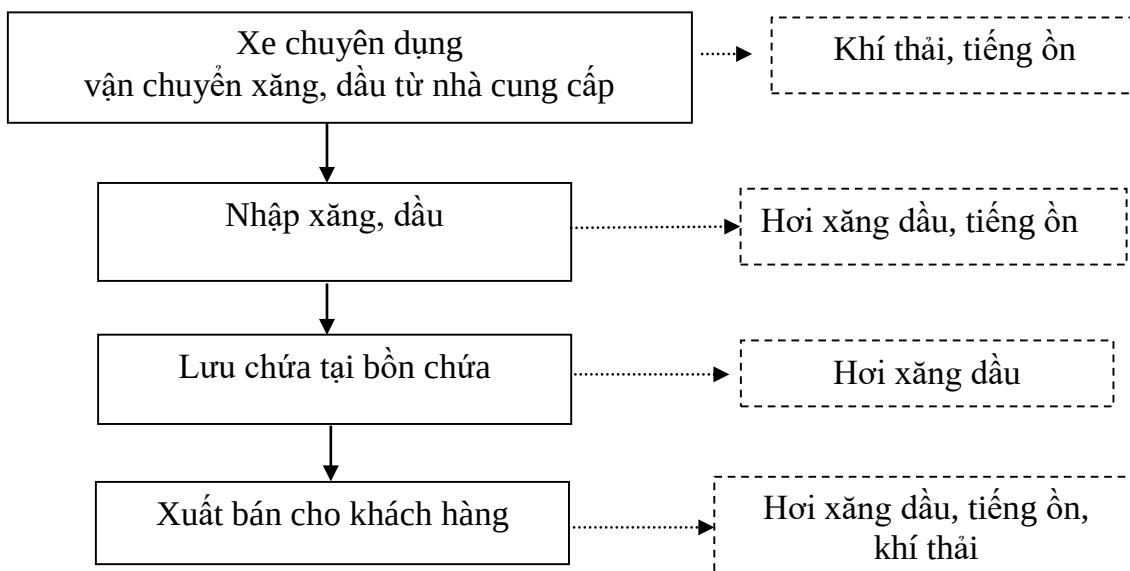
- Dầu DO 0,05S-II: 02 bồn chứa (01 bồn chứa 5m³ và 01 bồn chứa 3m³).
- Xăng Ron 95-III: 02 bồn chứa (01 bồn chứa 5m³ và 01 bồn chứa 2m³).

Bên cạnh đó, cơ sở còn kinh doanh thêm nhót đóng chai các loại và gas bình loại 12 kg (không sang chiết).

Số lượng nhân viên: 04 người.

Thời gian hoạt động của cơ sở: từ 7 giờ 00 phút giờ đến 19 giờ 00 phút hàng ngày.

3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở



Hình 3 - Quy trình hoạt động của cơ sở

➤ **Thuyết minh quy trình**

Xăng, dầu được nhập vào bồn chứa ngầm bán công nghệ nhập kín và xuất xăng dầu bán lẻ qua trụ bơm cho các phương tiện.

Xăng, dầu được Công ty TNHH Xăng dầu Tân Long vận chuyển đến cơ sở bằng xe ô tô xitec chuyên dụng (dung tích bồn chứa 6m³). Nhiên liệu về đến cửa hàng sẽ được bộ phận giao nhận tiến hành kiểm tra các thủ tục, hàng hóa. Sau đó sẽ tiến hành nhập xăng dầu từ xe ô tô xitec qua đường ống dẫn dầu đến bồn chứa ngầm của cơ sở bằng công nghệ nhập kín. Nhiên liệu từ các bồn chứa theo đường dẫn vào các trụ bơm bán cho khách hàng thông qua các còi bơm. Trong quá trình hoạt động, chủ yếu phát sinh bụi, tiếng ồn, hơi xăng, tiếng ồn cụ thể được thể hiện tại hình 3. Ngoài ra, còn phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động và không phát sinh nước thải sản xuất.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Hoạt động cơ sở là chủ yếu kinh doanh buôn bán xăng, dầu, nhớt đóng chai và gas bình (không sang chiết), không sản xuất nên không tạo ra sản phẩm đầu ra.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng trong hoạt động chuyên môn

Nguyên, vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của cơ sở chủ yếu là xăng, dầu nhớt đóng chai, gas bình với số lượng nhập được thể hiện ở bảng như sau:

Bảng 2 - Khối lượng nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng tại cơ sở

Stt	Nguyên, vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Tần suất nhập
1	DO 0,05S-II và Xăng Ron 95-III	m ³	6	5-7 ngày/lần
2	Nhớt đóng chai	chai	40	1 tháng/lần
3	Gas bình (loại 12kg)	bình	10	1 tháng/lần

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

4.2. Nhu cầu về nhiên liệu

Nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở chủ yếu là dầu DO sử dụng cho máy phát điện khi gặp sự cố mất điện với nhu cầu sử dụng khoảng 24 lít/giờ (Nguồn: Chủ cơ sở, 2023).

4.3. Nhu cầu về điện, nước

Nhu cầu sử dụng điện: Nguồn điện sử dụng tại cơ sở được lấy từ mạng lưới điện quốc gia được đấu nối để cung cấp, đảm bảo cho các hoạt động của cơ sở

Chủ cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

như thắp sáng, chạy các thiết bị, máy móc,... Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở trung bình khoảng 400 kWh/tháng (Nguồn: Chủ cơ sở, 2023).

Nhu cầu sử dụng nước: Nguồn nước sử dụng được lấy từ Xí nghiệp cấp nước tại khu vực nhằm đảm bảo cho các hoạt động của cơ sở. Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt của khu vực nội thị đô thị phụ thuộc vào loại đô thị nhưng tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm. Cơ sở nằm trong khu vực xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới nên chọn tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người/ngày đêm. Tuy nhiên, nhân viên làm việc tại cơ sở là 04 người, trong đó 02 người không lưu trú tại cơ sở sẽ ước tính bằng 50% tiêu chuẩn cấp nước là 40 lít/người/ngày đêm. Vậy, nhu cầu sử dụng nước được ước tính như sau:

$$(02 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày đêm}) + (02 \text{ người} \times 40 \text{ lít/người/ngày đêm}) = 240 \text{ lít/ngày đêm} = 0,24 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

4.4. Danh mục sử dụng hóa chất, chất xúc tác cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

Không có.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Tổng vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư của cơ sở là 700.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng) bao gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, mua nguyên, nhiên, vật liệu, chi phí bảo vệ môi trường và chi phí dự phòng.

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích hoạt động của cơ sở là 750m² với các hạng mục công trình như sau:

Bảng 3 - Các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
1	Khu vực trụ bơm	8,4
2	Phòng giao dịch + chứa nhớt	24
3	Khu vực nhà ở	44
4	Khu vực bồn chứa	34
5	Nhà vệ sinh	6,6
6	Kho chứa gas	12
7	Kho chứa CTNH	2
8	Đất trống, lối đi nội bộ	619
Tổng		750

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Chủ cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

5.3. Danh mục máy móc, thiết bị

Danh sách máy móc thiết, bị phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4 - Danh sách máy móc, thiết bị của cơ sở

Stt	Máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng hoạt động
1	Trụ bơm (1 còi)	Trụ	4	- 2 trụ hoạt động (1 trụ DO 0,05S-II và Xăng Ron 95-III): Tốt (90%) - 2 trụ ngưng hoạt động
2	Bồn chứa	-	01	Tốt (90%)
2.1	<i>Bồn DO 0,05S-II (01 bồn chứa 5m³ và 01 bồn chứa 3m³)</i>	<i>Bồn</i>	2	Tốt (90%)
2.2.	<i>Xăng Ron 95-III (01 bồn chứa 5m³ và 01 bồn chứa 2m³)</i>	<i>Bồn</i>	2	Tốt (90%)
3	Bình chứa cháy	Cái	4	Tốt (90%)
4	Máy phát điện	Cái	1	Tốt (80%)

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2023)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển trên địa bàn huyện Chợ Mới nói riêng và tỉnh An Giang nói chung như:

- Cơ sở thực hiện trên thửa đất số 157 và 167, tờ bản đồ số 45 thuộc quyền sở hữu của DNTN Phương Anh với địa chỉ thuộc ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên vị trí hoạt động của cơ sở là phù hợp (*đính kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê đất phía sau phần phụ lục của báo cáo*).

- Phù hợp với Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang Ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang. Đồng thời, cơ sở cũng không thuộc các đối tượng được quy định tại Phụ lục 1 – Danh mục cơ sở bắt buộc bố trí vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 UBND tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh nên việc lựa chọn vị trí thực hiện cơ sở là phù hợp với quy định hiện hành.

- Phù hợp với Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới cửa hàng xăng dầu, kho xăng dầu tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Phù hợp với Quy hoạch theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Chợ Mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở hoàn toàn phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường. Các chất thải phát sinh (nước thải, khí thải, chất thải rắn thải, tiếng ồn) được áp dụng các biện pháp xử lý, giảm thiểu theo đúng quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường, cụ thể như sau:

2.1. Đối với môi trường nước

Nguồn phát sinh: Chủ yếu là nước thải sinh hoạt của nhân viên. Do cơ sở không trang bị nhà vệ sinh công cộng cho khách hàng nên không phát sinh nước thải sinh hoạt của khách hàng. Bên cạnh đó, khu vực bố trí bồn chứa ở nơi được che chắn kín nên không nước mưa không nhiễm xăng, dầu chảy tràn qua khu vực này.

Thành phần: Nước thải sinh hoạt có chứa các thành phần hữu cơ, vô cơ, chất rắn lơ lửng và các vi sinh vật gây bệnh,...

Thải lượng: Theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải thì lượng nước thải sinh hoạt bằng 100% lượng nước cấp. Vậy, tổng lượng nước thải phát sinh tại cơ sở khoảng 0,24 m³/ngày đêm.

Biện pháp xử lý: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 90 mm và xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn (thể tích V = 13,068 m³, kích thước dài x rộng x cao = 3,3m x 2,2m x 1,8m, kết cấu BTCT). Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ qua hố ga có kích thước 0,8m x 0,8m x 0,8m rồi thoát ra khu đất trống trong phạm vi của cơ sở bằng ống nhựa PVC đường kính 42 mm nên không thực hiện đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường.

2.2. Đối với môi trường không khí

2.2.1. Khí thải từ các phương tiện giao thông

Nguồn phát sinh: Từ các phương tiện giao thông của nhân viên và khách hàng đến mua hàng, phương tiện giao thông nhập nhiên liệu.

Thành phần: Chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO, VOCs.

Thải lượng: Theo báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh” cho thấy nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính cho các loại xe gắn máy là 0,02 lít/km và các loại xe ô tô chạy dầu là 0,3 lít/km. Hệ số phát thải của các chất ô nhiễm cho các phương tiện vận chuyển được trình bày ở bảng sau:

Bảng 5 - Hệ số phát thải chất gây ô nhiễm của phương tiện giao thông

Stt	Phương tiện	Công suất	Hệ số phát thải (kg/T nhiên liệu)					Loại nhiên liệu
			Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC	
1	Ô tô tải	> 3,5 T	3,5	20S	20	300	30	Xăng
2	Ô tô tải	< 3,5 T	3,5	20S	12	18	2,6	DO
3	Ô tô tải	3,5 - 16 T	4,3	20S	55	28	12	DO

Chủ cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Stt	Phương tiện	Công suất	Hệ số phát thải (kg/T nhiên liệu)					Loại nhiên liệu
			Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC	
4	Ô tô tải	> 16 T	4,3	20S	50	20	16	DO
5	Xe máy	Hai thì <50 cc	6,7	20S	2,8	550	330	Xăng
6	Xe máy	Hai thì >50 cc	4	20S	2,7	730	500	Xăng
7	Xe máy	Bốn thì >50 cc	-	20S	8	525	80	Xăng

(Nguồn: Phan Tuấn Triều, Giáo trình kỹ thuật xử lý khí thải)

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu, dầu DO S=0,05% và xăng 0,1%.

Tác động: Các chất ô nhiễm gây ảnh hưởng đến sức khỏe và đối tượng xung quanh nếu vượt nồng độ cho phép. Cụ thể:

- Bụi: Là tổng các hạt bụi có đường kính khí động học nhỏ hơn hoặc bằng 100 μ m. Tùy theo bản chất hóa học bụi có các tác hại gây bệnh khác nhau như những hạt bụi có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 0,1 μ m không lưu lại trong hệ thống hô hấp của con người. Loại từ 1 – 5 μ m sẽ bám dính vào phế nang phổi. Loại lớn hơn 5 μ m được đọng lại phần trên hệ hô hấp. Bụi còn gây tác hại tới máy móc, thiết bị, tăng độ hao mòn, tăng tốc độ ăn mòn kim loại trong không khí.

- Tác hại của khí SO_x: SO_x là loại khí không màu, vị hăng cay. Đây là những chất ô nhiễm gây kích thích thuộc loại nguy hiểm nhất. Ở nồng độ thấp có thể gây co giật cơ của khí quản. Mức độ lớn hơn có thể làm tăng tiết dịch ở niêm mạc và sưng tấy niêm mạc. Nó còn làm nhiễm độc da, làm giảm khả năng vận chuyển oxy của máu. Bên cạnh đó, SO_x còn là nguyên nhân gây mưa acid làm mài mòn các công trình kiến trúc ngoài ra còn ảnh hưởng đến sự phát triển của thực vật cạn.

- Tác hại của khí NO_x: Là khí màu nâu đỏ có mùi gắt và cay, kích thích mạnh đường hô hấp. Khi ngộ độc cấp tính thường nhức đầu, ho dữ dội, rối loạn tiêu hóa. Tiếp xúc lâu dài có thể gây viêm phế quản. Ngoài ra, NO_x kết hợp với nước tạo nên mưa acid, gây hại cho thực vật cạn, ăn mòn kim loại và các công trình kiến trúc...

- Tác hại của CO: Khí CO là loại khí không màu, không mùi và không vị, tạo ra do sự cháy không hoàn toàn của nhiên liệu chứa cacbon. Những người mang thai và đau tim tiếp xúc với CO sẽ rất nguy hiểm vì áp lực của CO với Hb cao hơn gấp 200 lần so với oxy, cản trở oxy từ máu đến mô. Bên cạnh đó, khi con người tiếp xúc với CO ở nồng độ khoảng 5 ppm có thể gây đau đầu, chóng mặt; ở nồng độ từ 10-250 ppm CO có thể gây tổn hại đến hệ thống tim mạch, thậm chí gây tử vong. Người tiếp xúc với CO trong thời gian dài sẽ bị xanh xao, gầy yếu.

- Tác hại của VOCs: Có thể gây tác hại trước mắt hoặc lâu dài đến sức khỏe con người. Tác hại tức thời khi tiếp xúc với các VOCs có thể là gây kích ứng mắt,

da và đường hô hấp, đau đầu, chóng mặt, rối loạn thị giác, mệt mỏi, mất cân đối, buồn nôn và suy giảm trí nhớ. Khi tiếp xúc lâu ngày với các chất VOCs có thể gây ảnh hưởng đến gan, thận và hệ thần kinh trung ương, VOCs có thể gây ung thư đối với người.

Tuy nhiên, nguồn phát sinh này không thường xuyên, không liên tục, chỉ diễn ra trong thời gian ngắn. Do đó, ít gây ảnh hưởng đến môi trường không khí và người dân xung quanh khu vực.

Biện pháp giảm thiểu: Để giảm thiểu nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông đến mức thấp nhất, chủ cơ sở đã thực hiện thêm một số biện pháp như sau:

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.
- Bê tông hóa lối đi nội bộ.
- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh sân bãi, nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động.

2.2.2. Hơi xăng dầu

Nguồn phát sinh: Từ quá trình nhập, lưu chứa và xuất bán xăng dầu.

Thành phần: Chủ yếu là các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC).

Thải lượng: Hiện tại, chưa có nghiên cứu nào đưa ra hệ số phát thải của quá trình xuất xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Tuy nhiên, theo phương pháp đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO) năm 2003 thì lượng VOC bay hơi trong quá trình tồn trữ và xuất xăng dầu đối với cụm bể chứa và khu vực bán xăng dầu được trình bày ở bảng như sau:

Bảng 6 - Lượng VOC phát sinh từ quá trình tồn trữ và xuất xăng dầu

Stt	Công đoạn hao hụt	Xăng	Dầu DO
1	Tồn chứa	1,14 kgVOC/m ³ bể chứa/năm	0,015 kgVOC/m ³ bể chứa/năm
2	Xuất	0,59 kgVOC/m ³ xăng xuất	-

(Nguồn: WHO, 2003)

Tác động: Nồng độ hơi xăng dầu, từ 45% trở lên gây ngạt do thiếu oxy. Khi hít thở hơi xăng dầu, có thể gây ra các triệu chứng như: Say, co giật, ngạt, viêm phổi,... Khi hít thở xăng, dầu, ở nồng độ trên 40.000 mg/m³ có thể bị tai biến cấp tính với các triệu chứng như tức ngực, chóng mặt, rối loạn giác quan, tâm thần, nhức đầu buồn nôn. Khi hít thở nồng độ trên 60.000 mg/m³ sẽ xuất hiện các cơn

co giật, rối loạn tim và hô hấp, thậm chí gây tử vong. Ngoài ra, một số người nhạy cảm xăng, dầu, còn gây tác động trực tiếp lên da.

Biện pháp giảm thiểu: Để giảm thiểu nồng độ hơi xăng dầu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh đến mức thấp nhất, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Nhân viên làm việc tại cơ sở nghiêm túc tuân thủ đúng các nguyên tắc an toàn lao động. Quá trình bơm, hút xăng đúng yêu cầu kỹ thuật tránh rò rỉ xăng ra bên ngoài.
- Các hoạt động xuất nhập xăng dầu tại cơ sở được thực hiện theo quy trình khép kín, thao tác đúng kỹ thuật.
- Giữ bồn chứa xăng dầu luôn ở tình trạng kín.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng bồn chứa, các đường ống dẫn công nghệ.

2.2.3. Máy phát điện dự phòng

Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình sử dụng máy phát điện khi xảy ra sự cố mất điện tại cơ sở.

Thành phần và thải lượng: Nhà máy có trang bị 01 máy phát điện 125 KVA tiêu thụ khoảng nhiên liệu 120 lít dầu DO/giờ, tương đương 100kg dầu DO/giờ (khối lượng riêng dầu 0,84 kg/lít). Khi nhiệt độ khí thải là 200⁰C thì lượng khí thải khi đốt cháy 1kg DO là 38 m³ (Nguồn: WHO, 2003). Thời gian máy phát điện vận hành khoảng 1 giờ/lần. Thành phần, tải lượng và nồng độ chất phát thải từ máy phát điện được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 7 - Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm khi chạy máy phát điện

Stt	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn nhiên liệu)	Tải lượng ô nhiễm của một chất (kg/giờ)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/m ³)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/ BTNMT. cột B (mg/Nm ³)
1	Bụi	0,71	0,072	0,019	0,011	200
2	SO ₂	20S	0,101	0,026	0,015	50
4	NO ₂	9,62	0,970	0,253	0,144	850
5	CO	2,19	0,221	0,058	0,033	1000
6	THC	0,79	0,080	0,021	0,012	-

Ghi chú:

Chủ cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO (0,05%)

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

- Nồng độ khí thải (mg/Nm^3) = Nồng độ khí thải (mg/m^3) x K, với $K = \frac{T_o \times P}{P_o \times T}$
 $= \frac{273 \times 757}{760 \times 473} = 0,57$. Trong đó:

+ T, P là nhiệt độ và áp suất thực tế thực tế; Với $T = 200 + 273 = 473 \text{ K}$, $P = 757 \text{ mmHg}$.

+ T_o , P_o là nhiệt độ và áp suất chuẩn; $T_o = 273 \text{ K}$, $P_o = 760 \text{ mmHg}$.

Tác động: Gây ảnh hưởng đến sức khỏe và đối tượng xung quanh nếu vượt nồng độ cho phép. Từ kết quả thể hiện ở bảng trên cho thấy, nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Đồng thời, thực tế cho thấy việc vận hành máy phát điện tại cơ sở là không thường xuyên, chỉ sử dụng khi xảy ra sự cố mất điện nên nguồn thải ảnh hưởng không đáng kể đến chất lượng môi trường xung quanh.

Biện pháp giảm thiểu: Tuy nồng độ nằm trong giới hạn cho phép so với quy chuẩn. Tuy nhiên, chủ cơ sở đã thực hiện một số biện pháp giảm thiểu nhằm hạn chế tác động đến mức thấp nhất như:

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho phép (Dầu DO, S = 0,05%)
- Bố trí máy phát điện dự phòng ở nơi riêng biệt.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

Nhìn chung, các nguồn phát sinh khí thải đã được chủ cơ sở áp dụng các biện pháp giảm thiểu đảm bảo không ảnh hưởng không khí và người dân xung quanh khu vực. Đồng thời, các thông số quan trắc chất lượng không khí (trình bày tại chương V) đều nằm trong giới hạn cho phép so quy chuẩn nên hoạt động của cơ sở không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường.

2.3. Chất thải rắn

2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh: Chủ yếu phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân làm việc tại cơ sở. Ngoài ra, còn từ một lượng khách vãng lai ra vào cơ sở để mua nhiên liệu.

Thành phần: Bao bì, túi nylon, giấy, vỏ hộp, vỏ trái cây, thực phẩm dư thừa,...

Thải lượng: Phát sinh thực tế khoảng 2,0 kg/ngày (*Nguồn: Chủ cơ sở, 2023*).

Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý: Cơ sở đã trang bị 02 thùng chứa loại 25 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại phía trước khu vực bán hàng và tại khu vực nhà vệ sinh. Cuối ngày có xe thu gom rác của địa phương đến thu gom và xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày.

2.3.2. Chất thải nguy hại

Nguồn phát sinh: Từ quá trình hoạt động của cơ sở.

Thành phần: Giẻ lau dính dầu nhớt, giấy thấm dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng,....

Thải lượng: Phát sinh thực tế khoảng 2,0 kg/năm (*Nguồn: Chủ cơ sở, 2023*). Trong đó các chất thải nguy hại phát sinh bao gồm:

- Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, giấy thấm dầu (mã CTNH: 18 02 01) phát sinh khoảng 1,5 kg/năm.
- Bóng đèn huỳnh quang thải (mã CTNH: 16 01 06) phát sinh khoảng 0,5 kg/năm.

Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý: Chủ cơ sở trang bị 01 thùng chứa 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại kho chứa CTNH, diện tích 2m², mái tole, vách xi măng, đảm bảo kín tránh mưa gió, không bị ngập úng, nền trát xi măng, không thấm thấu, phía trước cửa ra vào có dán biển báo chất thải nguy hại. Khi số lượng đủ lớn sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại định kỳ tối thiểu 1 lần/năm theo đúng quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nhìn chung, chất thải rắn phát sinh tại cơ sở được thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường và khả năng chịu tải của môi trường do chất thải rắn gây ra.

2.4. Tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh từ quá trình nhập xăng, dầu. Nguồn này phát sinh không thường xuyên, định kỳ 5 – 7 ngày nhập 1 lần nên ảnh hưởng không đáng kể. Ngoài ra, tiếng ồn còn phát sinh từ các phương tiện giao thông của khách hàng đến mua xăng, dầu. Nguồn phát sinh này không thường xuyên, không liên tục, chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, khách hàng tắt động cơ khi bơm xăng, dầu vào phương tiện. Do đó, nguồn này ít gây ảnh hưởng.

Tuy nhiên, để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở ảnh hưởng đến người dân xung quanh, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp:

- Không nhập xăng, dầu vào giờ nghỉ trưa hoặc ban đêm (*Thời gian nhập xăng dầu từ 7 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ*).
- Trồng cây xanh và xây tường nhằm giảm tiếng ồn đến nhà dân.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị. Sử dụng các máy móc, thiết bị phát sinh độ ồn thấp.

Nhìn chung, tiếng ồn đã được chủ cơ sở áp dụng các biện pháp giảm thiểu đảm bảo không ảnh hưởng môi trường. Đồng thời, thông số tiếng ồn được quan trắc (trình bày tại chương V) có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so quy chuẩn nên hoạt động của cơ sở không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường.

Kết luận: Các chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

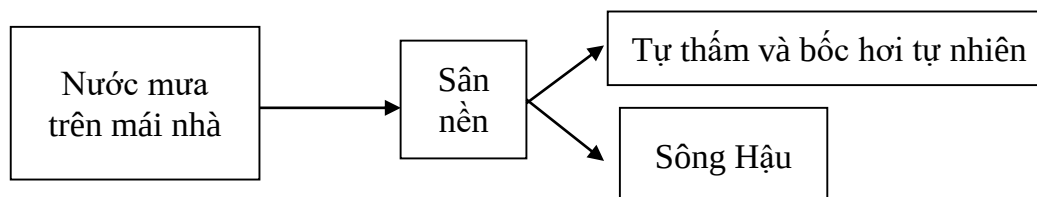
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa phát sinh Do điều kiện môi trường tự nhiên (chế độ mưa hàng năm) làm phát sinh lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực cơ sở. Lượng nước này chủ yếu tập trung trong mùa mưa. Nước mưa một phần theo độ dốc mái nhà của cơ sở xuống sân nền, một phần xuống trực tiếp sân nền. Sau đó, toàn bộ lượng nước mưa sẽ theo độ dốc địa hình chảy về các vùng trũng một phần tự thấm, bốc hơi tự nhiên và một phần chảy tràn trên sân nền thoát ra sông Hậu. Bên cạnh đó, nước mưa chảy tràn trên bề mặt có thể cuốn trôi theo các chất thải gây nên tình trạng ứ đọng nước mưa ảnh hưởng xấu đến môi trường nên chủ cơ sở đã nhắc nhở nhân viên thường xuyên vệ sinh sân nền, thu gom chất thải rắn đúng quy định.

Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa được trình bày cụ thể như sau:



Hình 4 - Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên (không phát sinh từ khách hàng) được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 90 mm và xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn (thể tích $V = 13,068 \text{ m}^3$, kích thước dài x rộng x cao = 3,3m x 2,2m x 1,8m, kết cấu BTCT). Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ qua hố ga có kích thước 0,8m x 0,8m x 0,8m rồi thoát ra khu đất trống trong phạm vi của cơ sở bằng đường ống PVC đường kính 42mm, chiều dài 2m.

Bảng 8 - Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

Stt	Hạng mục	Kết cấu	Kích thước	Chiều dài	Số lượng
1	Ống thu gom nước thải sinh hoạt của hầm tự hoại	Nhựa PVC	Đường kính 90 mm	1 m	1
2	Ống thoát nước thải từ hầm tự hoại ra nguồn tiếp nhận	Nhựa PVC	Đường kính 42 mm	2 m	1

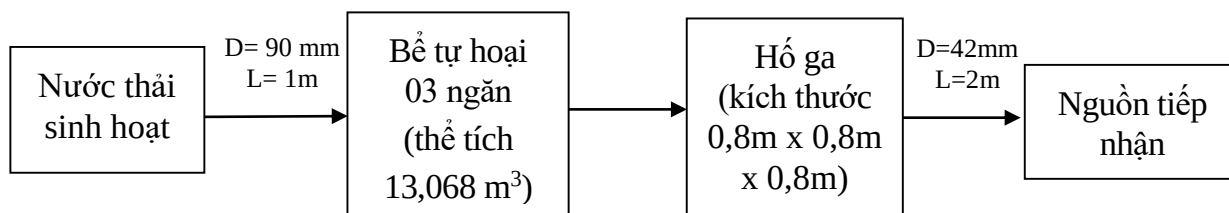
Chủ cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bảng 9 - Vị trí xả thải nước thải của cơ sở

Stt	Vị trí	Tọa độ (hệ tọa VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y(m)
1	Điểm xả nước thải ra nguồn tiếp nhận	0566546	1159439

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải được trình bày cụ thể như sau:

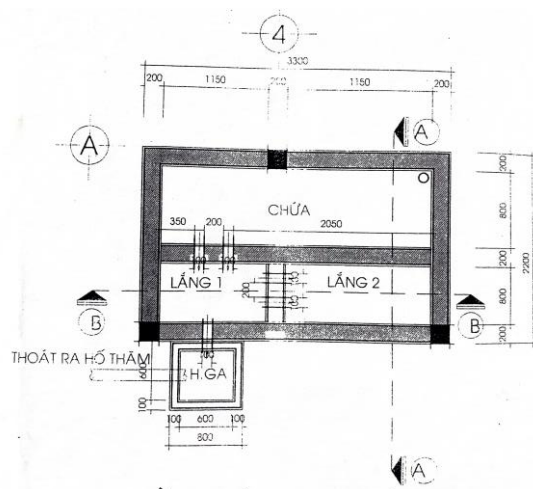


Hình 5 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải

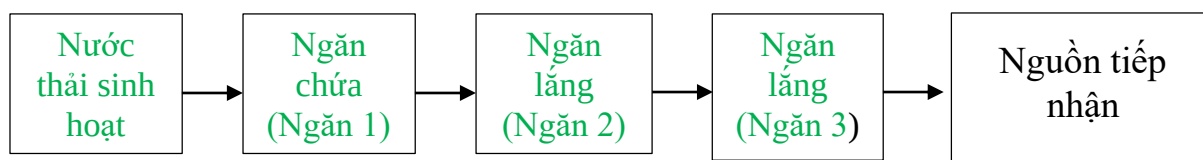
1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải

Công nghệ xử lý: Xử lý bằng phương pháp sinh học.



Hình 6 - Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn



Hình 7 – Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

➤ Thuyết minh quy trình

Hầm tự hoại là công trình xử lý nước thải sơ bộ, đồng thời thực hiện 02 chức năng: lắng nước thải và lên men cặn.

Trong quá trình chuyển động, các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy hầm. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Nhờ vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,... Nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh, kết quả của quá trình lên men cặn sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy thành các chất đơn giản gồm H_2O , CO_2 , CH_4 ,... Độ ẩm cặn tươi vào hầm và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn qua hố ga có kích thước 0,8m x 0,8m x 0,8m rồi thoát ra khu đất trống trong phạm vi của cơ sở. Ưu điểm: Cấu tạo đơn giản và có hiệu quả xử lý tương đối cao nên được sử dụng rất phổ biến. Kết quả ứng dụng vào thực tế cho thấy, hiệu quả xử lý các chất hữu cơ và các chất rắn lơ lửng đạt giá trị cao và ổn định, mặc dù có sự dao động về lưu lượng và nồng độ nước thải giữa các thời điểm trong ngày: Hiệu quả xử lý hầm tự hoại: Chất rắn lơ lửng đạt 87 – 88% và BOD_5 đạt 63 – 77%, xử lý nitơ đạt 66% (Nguồn: PGS.TS Hoàng Văn Huệ, *Thoát nước tập 2, Kỹ thuật xử lý nước thải*). Thường xuyên kiểm tra và hút bùn bể tự hoại (6 tháng/lần) để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại.

Hầm tự hoại có thể tích 13,068 m³ (kích thước 3,3m x 2,2m x 1,8m). Kết cấu: mặt ngoài và trong của bể đều được trát vữa xi măng cát vàng M75, dày 20mm.

Công nghệ không sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học cũng như không tiêu hao về điện năng.

1.3.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động

Căn cứ theo chương trình quan trắc môi trường được xác nhận tại Giấy xác nhận số 2274/XN-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới thì cơ sở không thực hiện quan trắc nước thải liên tục, tự động nên cơ sở không lắp đặt các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động.

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

2.1.1. Khí thải từ các phương tiện giao thông

Phát sinh từ các phương tiện giao thông của nhân viên làm việc, khách hàng đến mua hàng và phương tiện giao thông nhập nhiên liệu cho cơ sở. Các nguồn này phát sinh không thường xuyên, không liên tục, chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nên ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường không khí và người dân xung quanh khu vực. Tuy nhiên, chủ cơ sở đã thực hiện thêm một số biện pháp nhằm giảm thiểu tác động từ nguồn này như sau:

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.
- Bê tông hóa lối đi nội bộ.

- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh sân bãi, nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động.

2.1.2. Hơi xăng dầu

Hơi xăng dầu phát sinh từ hoạt động kinh doanh như quá trình nhập, lưu chứa và xuất bán xăng dầu. Do đó, để giảm thiểu hơi xăng dầu ảnh hưởng đến không khí, chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Nhân viên làm việc tại cơ sở nghiêm túc tuân thủ đúng các nguyên tắc an toàn lao động. Quá trình bơm, hút xăng đúng yêu cầu kỹ thuật tránh rò rỉ xăng ra bên ngoài.

- Các hoạt động xuất nhập xăng dầu tại cơ sở được thực hiện theo quy trình khép kín, thao tác đúng kỹ thuật.

- Giữ bồn chứa xăng dầu luôn ở tình trạng kín.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng bồn chứa, các đường ống dẫn công nghệ.

2.1.3. Máy phát điện dự phòng

Phát sinh từ quá trình sử dụng máy phát điện khi xảy ra sự cố mất điện tại cơ sở và thực tế cho thấy việc vận hành máy phát điện tại cơ sở là không thường xuyên, chỉ sử dụng khi xảy ra sự cố mất điện nên nguồn thải ảnh hưởng không đáng kể đến chất lượng môi trường xung quanh. Tuy nhiên, chủ cơ sở đã thực hiện một số biện pháp giảm thiểu nhằm hạn chế tác động từ nguồn này như:

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho phép (Dầu DO, S = 0,05%)

- Bố trí máy phát điện dự phòng ở nơi riêng biệt.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

2.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

Căn cứ theo chương trình quan trắc môi trường được xác nhận tại Giấy xác nhận số 2274/XN-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới thì cơ sở không thực hiện quan trắc khí thải liên tục, tự động nên cơ sở không lắp đặt các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh: Chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân làm việc tại cơ sở. Ngoài ra, còn từ một lượng khách vãng lai ra vào cơ sở để mua nhiên liệu.

Thành phần: Bao bì, túi nylon, giấy, vỏ hộp, vỏ trái cây, thực phẩm dư thừa,...

Thải lượng: Phát sinh thực tế khoảng 2,0 kg/ngày (Nguồn: Chủ cơ sở, 2023).

Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý: Cơ sở đã trang bị 02 thùng chứa loại 25 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại phía trước khu vực bán hàng và tại khu vực nhà vệ sinh. Cuối ngày có xe thu gom rác của địa phương đến thu gom và xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Nguồn phát sinh: Từ quá trình hoạt động của cơ sở.

Thành phần: Giẻ lau dính dầu nhớt, giấy thấm dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng,....

Thải lượng: Phát sinh thực tế khoảng 2,0 kg/năm (Nguồn: Chủ cơ sở, 2023). Trong đó, các chất thải nguy hại phát sinh bao gồm:

- Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, giấy thấm dầu (mã CTNH: 18 02 01) phát sinh khoảng 1,5 kg/năm.
- Bóng đèn huỳnh quang thải (mã CTNH: 16 01 06) phát sinh khoảng 0,5 kg/năm.

Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý: Chủ cơ sở trang bị 01 thùng chứa 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại kho chứa CTNH, diện tích 2m², mái tole, vách xi măng, đảm bảo kín tránh mưa gió, không bị ngập úng, nền tráng xi măng, không thấm thấu, phía trước cửa ra vào có dán biển báo chất thải nguy hại. Khi số lượng đủ lớn sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại định kỳ tối thiểu 1 lần/năm theo đúng quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn của cơ sở

Tiếng ồn phát sinh từ quá trình nhập xăng, dầu. Nguồn này phát sinh không thường xuyên, định kỳ 5 – 7 ngày nhập 1 lần nên ảnh hưởng không đáng kể. Ngoài ra, tiếng ồn còn phát sinh từ các phương tiện giao thông của khách hàng đến mua xăng, dầu. Nguồn phát sinh này không thường xuyên, không liên tục, chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, khách hàng tắt động cơ khi bơm xăng, dầu vào phương tiện. Do đó, nguồn này ít gây ảnh hưởng. Tuy nhiên, để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở ảnh hưởng đến người dân xung quanh, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp:

- Không nhập xăng, dầu vào giờ nghỉ trưa hoặc ban đêm (Thời gian nhập xăng dầu từ 7 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ).
- Trồng cây xanh và xây tường nhằm giảm tiếng ồn đến nhà dân.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị. Sử dụng các máy móc, thiết bị phát sinh độ ồn thấp.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố

6.1. Cháy nổ

Bố trí máy móc, thiết bị, gọn gàng tạo khoảng cách an toàn cho đối với khu vực chứa xăng dầu.

Hệ thống dẫn điện, cầu dao điện phải được bố trí an toàn hợp lý và đúng quy định.

Trang bị bình chữa cháy cầm tay và bố trí ở những vị trí dễ phát sinh cháy nổ, kịp thời ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Tuân thủ nghiêm chỉnh hướng dẫn về PCCC trong suốt quá trình hoạt động.

Cấm hút thuốc và cách ly các vật dụng dễ dẫn đến cháy nổ gần khu vực dự trữ xăng dầu và các trụ bơm xăng dầu.

Chủ cơ sở và nhân công lao động phải thường xuyên tham gia các lớp huấn luyện về PCCC, để ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố.

6.2. Tai nạn lao động

Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chuyên dụng, nón, quần áo thiết kế phù hợp,... cho nhân viên làm việc trực tiếp với xăng, dầu tại cơ sở để hạn chế khả năng tiếp xúc thường xuyên với xăng, dầu qua da, đường hô hấp từ đó phòng tránh các nguy cơ lâu dài gây ảnh hưởng đến sức khỏe

Thường xuyên nhắc nhở nhân viên có ý thức tự bảo vệ mình trong quá trình làm việc. Thực hiện các thao tác đúng kỹ thuật, cẩn thận.

Trang bị tủ thuốc tại chỗ để đáp ứng kịp thời khi xảy ra sự cố.

6.3. Tràn dầu

Phải dừng ngay việc cung cấp xăng, dầu từ xe vào bồn chứa, phương tiện trong vùng sự cố và áp dụng các biện pháp tạo ra vùng ngăn cháy với nguồn xăng, dầu phía sau.

Cắt toàn bộ hệ thống điện dẫn vào khu vực bị sự cố.

Tổ chức thu gom bằng biện pháp như bơm hút, vớt thủ công chứa vào các phương tiện chuyên dùng, đưa xăng, dầu về nơi an toàn để xử lý theo quy định.

Sử dụng các phương tiện, vật tư có sẵn tại cơ sở như cát, giấy thấm dầu,... thấm hút tạm thời khắc phục sự cố.

Báo ngay cho cơ quan chức năng khi xảy ra sự cố.

Lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh: 01 nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt nhân viên làm việc.

Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép: Lưu lượng xả thải tối đa khoảng 0,24 m³/ngày đêm.

Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn qua hố ga trước khi thoát ra khu đất trống trong phạm vi của cơ sở.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Giá trị tối đa của các thông số trong nước thải khi thoát ra khu đất trống trong phạm vi của cơ sở theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với hệ số K = 1,0. Cụ thể như sau:

Bảng 10 - Giá trị tối đa cho phép của các thông số

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm
1	pH	-	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
4	BOD ₅	mg/L	50
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0
6	Amoni(tính theo N)	mg/L	10
7	Nitrat(NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	50
8	Phosphat(PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	10
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	20
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000

Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải nước:

Bảng 11 - Vị trí xả thải nước thải của cơ sở

Stt	Vị trí	Tọa độ (Hệ tọa VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	Điểm xả nước thải ra nguồn tiếp nhận	0566546	1159439

- Phương thức xả nước thải nước thải:

+ Tự chảy sau khi xử lý. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B bằng hầm tự hoại 03 ngăn qua hố ga rồi tự chảy ra khu đất trống trong phạm vi của cơ sở bằng đường ống PVC đường kính 42mm.

+ Chế độ xả: Liên tục.

+ Thời gian xả: 24 giờ/ngày đêm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Khu đất trống.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Không.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Để đánh giá chất lượng môi trường trong quá trình lập báo cáo, Chủ cơ sở đã phối hợp với Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam thu mẫu không khí xung quanh vào ngày 06 tháng 03 năm 2023. Kết quả quan trắc môi trường được trình bày như sau:

Bảng 12 - Kết quả quan trắc không khí

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
			K1	K2		
1	Tiếng ồn	dBA	67,4	65,4	-	70
2	Tổng bụi lơ lửng	mg/m ³	0,155	0,162	0,3	-
3	CO	mg/m ³	<8,3	<8,3	30	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,051	0,054	0,2	-
5	SO ₂	mg/m ³	0,066	0,073	0,35	-

(Nguồn: Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam, tháng 3 năm 2023)

Ghi chú:

- Dấu “-”: Không so sánh
- K1 và K2 là vị trí thu mẫu. Trong đó:
 - + K1: Tại khu vực kinh doanh xăng dầu.
 - + K2: Tại nhà dân gần nhất.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc: Qua kết quả phân tích mẫu không khí tại khu vực kinh doanh xăng dầu và vị trí tại nhà dân gần nhất cho thấy: Tất cả các thông số Bụi, CO, NO₂, SO₂ đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 05:2013/BTNMT và Tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 26:2010/BTNMT. Do đó, chất lượng không khí và tiếng ồn không có dấu

hiệu bị ô nhiễm, hoạt động kinh doanh của cơ sở không ảnh hưởng đến nhân viên làm việc tại cơ sở và người dân xung quanh.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ thì công trình xử lý nước thải tại chỗ (hầm tự hoại) và lượng nước thải sinh hoạt phát sinh ít, không thường xuyên nên cơ sở xin không vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (liên tục, tự động và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Quan trắc không khí xung quanh:

- Vị trí quan trắc: Tại nhà dân gần nhất.
- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.
- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng, CO, NO₂, SO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Các quy chuẩn so sánh sẽ được so sánh theo quy chuẩn hiện hành nếu các quy chuẩn này được thay thế.

Trong thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, chủ cơ sở sẽ phối hợp với đơn vị đủ chức năng hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (được chứng nhận Vimcerts do Bộ Tài nguyên và Môi trường với các thông số quan trắc định kỳ). Đồng thời, định kỳ chủ cơ sở sẽ báo cáo về cơ quan cấp Giấy phép môi trường thông qua báo cáo công tác bảo vệ môi trường với tần suất 1 lần/năm theo đúng quy định.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cửa hàng xăng dầu Phương Anh không thuộc loại hình phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải (theo khoản 1, điều 111 và khoản 1 điều 112 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020).

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hằng năm (quan trắc không khí) dự kiến là 3.000.000 đồng/năm..

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2021 và năm 2022 cơ sở không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường. Trong quá trình hoạt động, cơ sở luôn thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường nhằm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty cam kết các nội dung, thông tin nêu trên và giấy tờ kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu thông tin báo cáo thiếu trung thực.

Công ty cam kết xả thải đúng theo giấy phép môi trường được cấp và thực hiện các công tác bảo vệ môi trường như trong giấy phép môi trường đã nêu. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Công ty cam kết thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với nước thải sinh hoạt trước khi ra nguồn tiếp nhận.

Công ty cam kết đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với môi trường không khí đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT và tiếng ồn đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT. Định kỳ báo cáo về cơ quan phê duyệt Giấy phép môi trường thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tần suất 1 lần/năm.

Công ty cam kết bố trí nhân sự quản lý, lưu trữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định. Định kỳ báo cáo về cơ quan phê duyệt Giấy phép môi trường thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tần suất 1 lần/năm.

Công ty cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy chuẩn hiện hành.

Công ty cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp giảm thiểu phòng cháy chữa cháy, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sự cố tràn dầu,... trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Công ty trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý kịp thời các nguồn ô nhiễm khi xảy ra sự cố. Công ty cam kết khắc phục, đền bù thiệt hại khi để xảy ra các sự cố do quá trình hoạt động của cơ sở gây ra.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
3. Hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu.
4. Bản vẽ mặt bằng tổng thể.
5. Bản vẽ thoát nước thải.
6. Bản vẽ hầm tự hoại.
7. Bản vẽ vị trí giám sát môi trường.
8. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường.
9. Giấy chứng thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy.
10. Quyết định về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

PHỤ LỤC
